TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 05/2025/HC-PT
Ngày 28-7-2025
V/v: khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: bà Nguyễn Ngọc Hoa;
ông Phạm Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Duy Khánh - Thư kí Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội*:* ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 160/2025/TLPT-HC ngày 12 tháng 02 năm 2025 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án số 230/2024/HC-ST ngày 14-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 388/2025/QĐ-PT ngày 14-7-2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Luyện Văn K sinh năm 1949; trú tại: thôn T, xã P, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G và Ủy ban nhân dân huyện G.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã D, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị V sinh năm 1957; trú tại: thôn T, xã P, thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người khởi kiện trình bày: ngày 05/7/2021, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện G ban hành Quyết định 3820/QĐ-UBND về việc thu hồi 63,6 m^2 đất phi nông nghiệp thuộc thửa 2(12) tờ bản đồ 02 khu QS của hộ gia đình ông Luyện Văn K tại thôn T, xã D, huyện G, thành phố Hà Nội theo ranh giới thu hồi đất được thể hiện tại Hồ sơ kỹ thuật thửa đất do Công ty cổ phần tư vấn khảo sát và đo đạc bản đồ Đông Dương lập để thực hiện dự án xây dựng đường đê tả Đuống đoạn từ cầu Đuống đến cầu P.

Cùng ngày, UBND huyện G có Quyết định 3821/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản gắn liền với đất theo đó, hộ gia đình ông K được bồi thường, hỗ trợ tổng số 73.403.360 đồng, cụ thể: vị trí đất bị thu hồi thuộc vị trí 2 đường đê sông Đ (đoạn qua xã Y, xã D - QL1A đến QL1B) thuộc đất công nên không được bồi thường; thời điểm sử dụng sau 15/10/1993 trước 01/7/2004 nên công trình xây dựng và cây trồng trên đất được bồi thường 50% đơn giá.

Không đồng ý, ông K khiếu nại. Ngày 17/12/2021, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định 8795/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu đã bác đơn khiếu nại của ông K đối với Quyết định 3821/QĐ-UBND.

Gia đình ông K không chấp hành quyết định thu hồi đất nên ngày 08/8/2022, Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định 5342/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện thu hồi đất và Quyết định 5344/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện giải tỏa công trình, vật kiến trúc và cây cối hoa màu của hộ gia đình ông K. Ngày 07/9/2022, Ban thực hiện cưỡng chế đã thi hành xong các quyết định này.

Ông K tiếp tục khiếu nại. Ngày 13/12/2022, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định 4988/QĐ-UBND đình chỉ giải quyết khiếu nại của ông K đối với Quyết định 8795/QĐ-UBND theo quy định của khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại do thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng.

Tại Đơn khởi kiện ngày 03/12/2022, ông Luyện Văn K yêu cầu hủy Quyết định 3820/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện G về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng đường đê tả Đuống đoạn từ cầu Đuống đến cầu P; hủy Quyết định 3821/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản gắn liền với đất; hủy Quyết định 8795/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại; hủy Quyết định 5342/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện G về việc cưỡng chế thực hiện thu hồi đất; buộc UBND huyện G lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đúng quy định của pháp luật và bồi thường thiệt hại tài sản, tinh thần do phá dỡ tài sản trái pháp luật; thu hồi Văn bản 4445/UBND-TTr ngày 17/12/2021 của UBND huyện G.

Theo ông K, diện tích đất ông bị thu hồi có nguồn gốc do Tiểu đoàn 872 Cục xăng dầu Tổng cục hậu cần, Bộ Quốc phòng cấp theo Quyết định 01/CS

ngày 26/3/1991 nhưng không ghi diện tích cấp. Gia đình ông sử dụng từ khi được cấp đến nay. Theo Công văn số 1097K-HC ngày 04/11/2021 của Cục xăng dầu thì vị trí nhà ở của ông K được xác định trên bản đồ hiện trạng tỉ lệ 1/500 do Công ty CP địa chính xây dựng và thương mại Hà Nội lập ngày 08/01/2018 có xác nhận của UBND xã D và Kho 190 thể hiện diện tích là 47,9 m^2 được giới hạn bởi các điểm 6,7,8,9. Năm 2018, Cục xăng dầu, Kho 190 bàn giao đất quốc phòng cho địa phương quản lý, trong đó có gia đình ông. Tại Bảng kê danh sách kèm theo có ghi gia đình ông K sử dụng đất tại khu tập thể D872 xã D. Do vậy, diện tích đất của ông K sử dụng không phải là đất công do UBND xã D quản lý. Do đó, gia đình ông phải được bồi thường về đất ở vị trí 1 và được tái định cư.

2. Người bị kiện trình bày:

Năm 2011, đơn vị D872 bàn giao cho Kho 190 quản lý khu gia đình tại xã D gồm 12 hộ gia đình, trong đó có 11 hộ có quyết định cấp đất của Cục xăng dầu và 01 hộ là hộ ông K có quyết định cấp đất của Tiểu đoàn D872 (Quyết định số 01/CS ngày 26/3/1991, trong quyết định không ghi diện tích đất được cấp).

Năm 2018, Kho 190 bàn giao cho UBND xã quản lý toàn bộ khu gia đình trên. Hiện trạng của 12 hộ gia đình vẫn giữ nguyên từ đó cho đến nay. Phía Kho 190 không xác định được vị trí, diện tích đất ông K được cấp; thửa đất của ông K không nằm trong sơ đồ cấp đất do đơn vị quân đội cung cấp. Trong Biên bản bàn giao ngày 17/8/2018 giữa Kho 190 với UBND xã, Kho 190 chưa bàn giao hộ ông Luyện Văn K do chưa hoàn thiện hồ sơ và đề nghị bàn giao sau. Trong danh sách các hộ chưa bàn giao, Kho 190 xác nhận diện tích hiện trạng của gia đình ông K là 47,9 m^2.

Quá trình sử dụng đất, ông K xây dựng công trình trên diện tích đất nêu trên nên Thanh tra xây dựng xã D đã lập Biên bản ngừng thi công công trình vi phạm trật tự xây dựng vào ngày 09/10/2007.

Ngày 06/3/2020, UBND xã tổ chức họp lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc thửa đất của ông K. D872 quyết định cấp đất cho 10 hộ đều sử dụng đất từ phía giáp ruộng của xã lên chân đê. Diện tích này được tách làm 02 phần do có một con đường đi chung. Trong buổi làm việc ngày 07/8/2018, các hộ xác nhận phần đất giáp chân đê mà các hộ đang sử dụng có nguồn gốc là đất do các hộ tự sử dụng (không phải là đất được cấp theo quyết định). Phần diện tích đất ông K đang sử dụng giáp chân đê là đất có nguồn gốc giống 08 hộ còn lại (trừ bà Thường và đây là phần đất phía trước đất của bà V, vợ ông K được cấp). Căn cứ vào những nội dung trên, diện tích đất của ông K được xác định là đất công.

Theo hồ sơ kỹ thuật phục vụ công tác GPMB do Cty CP tư vấn khảo sát và đo đạc bản đồ Đông Dương đo vẽ năm 2018, hiện trạng ông K sử dụng thửa đất số 2(13) tờ bản đồ số 02 có diện tích 63,6 m^2; diện tích hiện trạng tăng 15,7 m^2 so với diện tích được đơn vị quân đội xác nhận là do gia đình ông tự sử dụng ra phần diện tích đất công do UBND xã quản lý. Thời điểm bao chiếm sau ngày 15/10/1993 trước 01/7/2004. Theo Bản đồ 1993 - 1994 thể hiện là một phần của thửa đất số 02 là 1.739 m^2 tờ bản đồ số 02 khu quân sự.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội không có gì khác với Quyết định 4988/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K, bà V khai bổ sung: khu gia đình D872 được hình thành năm 1980. Năm 1981, ông bà kết hôn và được D872 phân 01 căn nhà. Năm 1990 ông K nghỉ hưu. Năm 1991, ông K xin Ban lãnh đạo D872 phần đất đối diện với nhà đang ở (qua 01 con đường rộng 3 m) để làm nhà cho con trai thứ 2 Luyện Văn C sinh năm 1985 bị thần kinh hay phá phách ra đó ở nên Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn D872 Cục xăng dầu mới cấp cho ông K Quyết định 01/CS ngày 26/3/1991 một gian nhà cấp 4 không rõ diện tích thuộc khu tập thể của Tiểu đoàn. Năm 1992, ông bà là 01 trong 10 hộ gia đình được Cục xăng dầu Tổng cục hậu cần cấp phân nhà đối với căn nhà ông bà sử dụng từ năm 1981 nhưng đứng tên bà V do bà V là chủ hộ khẩu. Năm 1993, gia đình bà được UBND xã cấp GCN QSD đất đối với diện tích nhà được phân đứng tên bà V. Năm 1997, D872 giải tán thì hình thành khu gia đình 08 hộ dân; còn khu gia đình 10 hộ dân do Kho 190 quản lý. Năm 2018, toàn bộ cả 2 khu gia đình đều bàn giao cho UBND xã D quản lý. Hiện nay, con trai út của ông bà là Luyện Văn C đã chết. Toàn bộ nhà đất mà ông bà được phân theo Quyết định 01/CS ngày 26/3/1991 đã bị giải phóng mặt bằng. Ông bà đã cho con trai Luyện Mạnh H toàn bộ diện tích 92 m^2 nhà đất mà ông bà được phân theo Quyết định 01/QĐ ngày 15/11/1992 của Cục xăng dầu Tổng cục hậu cần nên hiện đang ở nhờ nhà con trai.

Tại Bản án số 230/2024/HC-ST ngày 14-8-2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Luật Đất đai các năm 1987, 1993, 2003, 2013; Luật Khiếu nại năm 2011, Quyết định 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội; quyết định: bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Luyện Văn K đối với các quyết định hành chính, quyết định giải quyết khiếu nại và yêu cầu sau đây:

Quyết định 3820/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện G về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng đường đê tả Đuống đoạn từ cầu Đuống đến cầu P.

Quyết định 3821/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản gắn liền với đất.

Quyết định 8795/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Quyết định 5342/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Chủ tịch UBND huyện G về việc cưỡng chế thực hiện thu hồi đất.

Yêu cầu UBND huyện G lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đúng quy định của pháp luật và bồi thường thiệt hại tài sản, tinh thần do phá dỡ tài sản trái pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22-8-2025, ông K kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Ông K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm với lí do: Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ nguồn nhà đất của ông là đất quốc phòng đã được đơn vị là Cục xăng dầu cấp quyết định phân nhà ngày 26-3-1991 và bàn giao hiện trạng theo 10 hộ khu gia đình D872 cho UBND huyện G quản lí ngày 17-8-2018.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội (Viện phúc thẩm 1) có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông K là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lí, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, bảo đảm thời hiệu khởi kiện theo quy định.

Tại phiên tòa vắng mặt người bị kiện và 1 số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng các đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung

- Đối với Quyết định 3820/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện G về việc thu hồi đất

Theo lời khai của ông Luyện Văn K, bà Vũ Thị V thì nhà ông K được phân theo Quyết định số 01/CS ngày 26/3/1991 của Tiểu đoàn 872 có phía Bắc giáp đường đi rộng 3m (đối diện sang đường này là nhà đất của ông bà được cấp đứng tên bà V theo Quyết định 01/QĐ ngày 15/11/1992), phía Nam giáp đê, phía Đông giáp đường đi, phía Tây giáp nhà bà Bình.

Theo Quyết định 01/QĐ ngày 15/11/1992 của Cục xăng dầu về việc cấp cho bà Vũ Thị V là công nhân viên thuộc D872 một căn hộ 18 m^2 sử dụng chính và 74 m^2 sử dụng phụ thuộc xã D, huyện G, thành phố Hà Nội.

Theo Sơ đồ khu doanh trại cơ quan D872 Cục xăng dầu kèm theo Quyết định 17 QĐ/TM ngày 17/01/1995 của Bộ Tổng tham mưu về vị trí đóng quân D872 Cục xăng dầu thì khu gia đình có 10 hộ tổng diện tích là 950 m^2, phía Đông Bắc và Đông Nam giáp đất thổ canh xã D, phía Tây Bắc giáp khu đóng quân của D872, phía Tây Nam giáp chân đê. Trong sơ đồ này không thể hiện có

vị trí đất trên có nhà của ông K được phân theo Quyết định số 01/CS ngày 26/3/1991.

Tại Biên bản 13/BB-TTrXD ngày 08/10/2007 và 14/BB-TTrXD ngày 09/10/2007 của UBND xã D, ông Luyện Văn K bị yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng do đã có hành vi tự ý xây dựng mở rộng công trình trên diện tích đất công lưu không chân đê. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K xác nhận biên bản này được lập đối với diện tích gian nhà cấp 4 mà ông được phân theo Quyết định 01/CS ngày 26/3/1991.

Theo Biên bản ngày 24/5/2017 về việc bàn giao khu tập thể D872 ra địa phương quản lý giữa UBND xã và Tổng kho 190 Cục xăng dầu thì do không còn nhu cầu sử dụng nữa nên khu đất quốc phòng có 18 hộ gia đình thuộc khu tập thể D872 được bàn giao toàn bộ hồ sơ cấp nhà và diện tích đất của 18 hộ cho UBND xã quản lý; ngoài ra còn có 02 hộ trong đó có hộ ông K là đang còn vướng mắc liên quan đến giấy tờ cấp nhà đất.

Theo Bản đồ hiện trạng khu đất do Công ty cổ phần địa chính xây dựng và thương mại Hà Nội lập ngày 08/01/2018 thì vị trí nhà đất của ông K nằm trên đất lưu không đê, nằm ngoài khu 18 hộ gia đình qua 01 con đường 3 m.

Theo Biên bản làm việc ngày 07/8/2018 về việc bàn giao khu gia đình D872 (cũ) cho UBND xã D thể hiện khu tập thể D872 nay là kho 190 Cục xăng dầu có 10 hộ gia đình có trong Quyết định 611/TTg năm 1997 của Thủ tướng chính phủ + 02 nhà đất của ông Nam và ông K có quyết định cấp đất của Cục xăng dầu + 08 hộ dân trước đây UBND xã D cấp được bàn giao toàn bộ cho UBND xã D quản lý.

Theo Biên bản bàn giao 17/8/2018, Kho 190 và Cục xăng dầu bàn giao cho UBND huyện G quản lý 20 hộ gia đình trong đó có 10 hộ bàn giao đợt 1 ngoài thực địa là các hộ có quyết định cấp nhà của Cục xăng dầu, có QCN QSD đất của UBND xã D ngày 10/7/1993 (trong đó có hộ bà V); 08 hộ không được Cục xăng dầu cấp nhà nhưng được UBND xã D cấp GCN QSD đất ngày 20/6/1993 + 02 hộ gia đình (trong đó có ông K) chưa được bàn giao ngoài thực địa.

Theo Biên bản họp lấy ý kiến khu dân cư ngày 6/3/2020 và Báo cáo 63/BC-UBND ngày 23/4/2020 của UBND xã về nguồn gốc quá trình sử dụng đất của ông K thể hiện 10 hộ dân được Cục xăng dầu phân nhà bắt đầu từ gia đình bà V đến gia đình bà Thường; nhà đất của ông K phía giáp đê không nằm trong sơ đồ 10 hộ dân; phần đất của ông K không thể do cơ quan quân đội cấp.

Theo Biên bản xác minh ngày 27/7/2020 của UBND xã D, Kho 190 Cục xăng dầu tiếp nhận nguyên trạng 12 hộ dân trong khu gia đình vào năm 2011 thì đến năm 2018 Kho 190 bàn giao nguyên trạng 12 hộ dân cho UBND xã D quản lý trong đó có hộ ông K là 47,9 m^2.

Theo Giấy xác nhận ngày 30/10/2020 của UBND xã D thì diện tích gia đình ông K đang sử dụng bị thu hồi có nguồn gốc gia đình tự sử dụng đất giáp chân đê.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định vị trí diện tích gian nhà cấp 4 mà ông K được phân phối theo Quyết định số 01/CS ngày 26/3/1991 của Tiểu đoàn 872 nằm ngoài diện tích đất mà D872 Cục xăng dầu được sử dụng theo Quyết định 17 QĐ/TM ngày 17/01/1995 Bộ Tổng tham mưu, nằm ngoài diện tích đất quốc phòng mà Tổng cục hậu cần được UBND thành phố Hà Nội cấp GCN QSD đất ngày 20/2/2014, nằm trong diện tích lưu không chân đê do UBND xã D quản lý.

Tại các quyết định về việc cấp nhà đất cho ông Kim Hải Nam (Quyết định 04/QĐ ngày 18/9/1984), cho bà Vũ Thị V (Quyết định 01/QĐ ngày 15/11/1992) đều do Cục xăng dầu ban hành, đều có diện tích nhà, diện tích đất. Tuy nhiên, Quyết định 01/CS ngày 26/3/1991 về việc phân phối nhà cho ông Luyện Văn K lại do Tiểu đoàn 872 ban hành, không có diện tích nhà, không có diện tích đất, không rõ vị trí ở đâu trong khi thực tế hiện trạng nhà đất ông K đang sử dụng mà cho rằng được cấp theo quyết định này thì không nằm trong diện tích đất Tiểu đoàn 872 Cục xăng dầu được giao quản lý.

Mặt khác, Quyết định 01/CS ngày 26/3/1991 do Tiểu đoàn 872 ban hành khi ông K đã nghỉ hưu, không còn là quân nhân thuộc sự quản lý của Tiểu đoàn 872 nữa. Do đó, Quyết định 01/CS ngày 26/3/1991 chưa đủ căn cứ để xác định là hợp lệ.

Theo Bản đồ hiện trạng tỷ lệ 1/500 do Công ty CP địa chính XD và TM Hà Nội lập ngày 08/01/2018, Biên bản bàn giao 17/8/2018, Biên bản xác minh ngày 27/7/2020 thì diện tích nhà đất ông K sử dụng là 47,9 m^2.

Theo Biên bản điều tra khảo sát đo đạc kiểm đếm ngày 16/11/2019, Giấy xác nhận ngày 30/10/2020 của UBND xã D thì diện tích thực tế ông K sử dụng tại thời điểm kiểm đếm là 63,6 m^2. Ông K, bà V cho rằng ông bà sử dụng 131 m^2 là không có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 7 Luật thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2010 và khoản 2, khoản 3 Điều 2, khoản 2 Điều 3 Thông tư 45/2011/TT-BTNMT thì việc nộp thuế không phải là căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người nộp thuế đối với diện tích đất lấn, chiếm. Do đó, trường hợp hợp ông K đóng thuế đối với diện tích 63,6 m^2 đất bị thu hồi thì không phải là căn cứ để công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông K.

Quyết định 3820/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện G về việc thu hồi 63,6 m^2 đất phi nông nghiệp của hộ gia đình ông K tại thửa số 2(12) tờ bản đồ 02 khu QS xã D để thực hiện dự án xây dựng đường đê tả Đuống, đoạn cầu Đuống đến cầu P, huyện G là đúng.

- Đối với Quyết định 3821/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất, tài sản gắn liền với đất:

Theo lời khai của ông K, bà V tại phiên tòa sơ thẩm và sổ hộ khẩu của hộ gia đình bà V thì gia đình ông K sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại nhà đất bà V được Cục xăng dầu cấp trong khu gia đình D872; nhà đất bị thu hồi được sử dụng để con trai bị bệnh thần kinh là Luyện Văn Chung ở để không phá

phách nên Quyết định 3821/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 phê duyệt cho 1 nhân khẩu là đúng.

Căn cứ Quyết định 01/QĐ ngày 15/11/1992 của Cục xăng dầu về việc cấp nhà cho bà Vũ Thị V, Quyết định 17 QĐ/TM ngày 17/01/1995 của Bộ Tổng tham mưu về vị trí đóng quân của Tiểu đoàn D872 Cục xăng dầu và lời khai của ông K, bà V về việc sau khi ông K nghỉ hưu thì có xin miếng đất đối diện với nhà đất đang ở thì Quyết định 3821/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 xác định thời điểm ông K sử dụng diện tích đất bị thu hồi sau ngày 15/10/1993 là đúng.

Diện tích 63,6 m^2 đất ông K bị thu hồi không đủ điều kiện được cấp GCNQSD đất nên Quyết định 3821/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 phê duyệt không được bồi thường về đất là đúng quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai 2013, Điều 5 và điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định 10/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

Quyết định 3821/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 phê duyệt hỗ trợ đối với công trình xây dựng, cây trồng trên đất tạo lập sau ngày 15/10/1993 trước ngày 01/7/2004 bằng 50% đơn giá là đúng quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định 10/2017 cùa UBND thành phố Hà Nội.

- Đối với Quyết định 8795/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại

Ông K và bà V còn đang sử dụng nhà đất diện tích 97,6 m^2 theo Quyết định 01/QĐ ngày 15/11/1992 của Cục xăng dầu trong đó chỉ bị thu hồi 0,8 m^2 để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường đê tả Đuống đoạn từ cầu Đuống đến cầu P nên Quyết định 8795/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 xác định ông K không đủ điều kiện được giao đất tái định cư nên là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định 10/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở, nhà ở trước ngày 01/7/2004 mà có nguồn lấn, chiếm thì khi nhà nước thu hồi nếu không có chỗ ở nào khác thì được mua 01 căn hộ chung cư có diện tích nhỏ nhất trong quỹ nhà tái định cư của thành phố hoặc mua 01 suất đất tái định cư 30 m^2 nếu địa phương còn quỹ đất, theo giá quy định của UBND thành phố nhân với hệ số điều chỉnh K=1,3.

Theo ông K, bà V nhà đất 96,8 m^2 (diện tích còn lại) mà vợ chồng ông bà được cấp theo Quyết định 01/QĐ ngày 15/11/1992 của Cục xăng dầu thì ông bà đã cho vợ chồng con trai lớn ở nên hiện nay ông bà đang ở nhờ nhà các con. Ông Luyện Văn K là người tham gia cách mạng, có con trai là anh Luyện Văn Chung khi còn sống là người bị nhiễm chất độc hóa học.

Trường hợp của ông K không được áp dụng khoản 2 Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND mà cần phải báo cáo UBND thành phố Hà Nội để xem xét có vận dụng quy định này được không nên tại trang 8 Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 8795/QĐ-UBND ngày 17/12/2021, Chủ tịch UBND huyện

G cũng đã nêu nội dung quy định này nhưng không quyết định là đúng vì không thuộc thẩm quyền quyết định, phạm vi giải quyết của Chủ tịch và UBND huyện G trong việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông K.

UBND huyện G đã có Văn bản 4445/UBND-TTr ngày 17/12/2021 giao Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tham mưu UBND huyện báo cáo UBND thành phố Hà Nội xem xét cho phép vận dụng quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội để cho ông K được mua 01 suất đất tái định cư 30 m^2 theo giá quy định nhân với hệ số K=1,3.

Tuy nhiên, sau khi UBND xã D có Văn bản 33/UBND ngày 9/3/2022 xác nhận tình trạng đất ở, nhà ở khác của ông K thì Trung tâm phát triển quỹ đất huyện có Văn bản 66/TTPTQĐ ngày 11/3/2022 báo cáo UBND huyện G về việc vợ chồng ông K, bà V vẫn còn 96,8 m^2 đất tại khu tập thể D872 trên có nhà 02 tầng BTCT nên không đủ điều kiện để vận dụng khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội được mua 01 suất đất tái định cư 30 m^2 theo giá quy định nhân với hệ số K=1,3.

Do đó, về vấn đề này ông K có thể liên hệ với UBND huyện G, UBND thành phố Hà Nội để được xem xét giải quyết (nếu cần).

Quyết định 8795/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đã bác đơn khiếu nại của ông K đối với Quyết định 3821/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND huyện G về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng.

- Đối với Quyết định 5342/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện thu hồi đất và Quyết định 5344/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện giải tỏa công trình, vật kiến trúc và cây cối hoa màu của hộ gia đình ông K do Chủ tịch UBND huyện G ban hành ngày 08/8/2022 và hành vi tổ chức cưỡng chế ngày 07/9/2022

Mặc dù ông K đã được tuyên truyền, vận động, thuyết phục bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án (Biên bản ngày 21/4/2022) nhưng ông K không chấp hành nên Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định 5342/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 về việc cưỡng chế thực hiện thu hồi 63,6 m^2 đất là đúng quy định tại Điều 71 Luật đất đai 2013.

Do ông K có công trình, cây trồng trên đất công do UBND xã quản lý nên để thi hành Quyết định 7754/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của UBND huyện G về việc thu hồi 84.785,8 m^2 đất do UBND xã D quản lý thì Chủ tịch UBND huyện G ban hành Quyết định 5344/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện giải tỏa công trình, vật kiến trúc và cây cối hoa màu của hộ gia đình ông K có trên 84.785,8 m^2 đất do UBND xã D quản lý là đúng quy định quy định tại Điều 71 Luật đất đai 2013.

Trước khi tổ chức cưỡng chế vào ngày 07/9/2022, Chủ tịch UBND huyện

G đã ban hành Quyết định 5368/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế; Ban thực hiện cưỡng chế đã lập Kế hoạch tổ chức cưỡng chế số 01/KH-BTHCC ngày 10/8/2022 là đúng quy định tại Điều 71 Luật đất đai 2013.

Ngày 07/9/2022, Ban thực hiện cưỡng chế đã lập các Biên bản cưỡng chế, về việc phá khóa, liệt kê tài sản, niêm phong tài sản, tiếp nhận tài sản bảo quản là thực hiện đúng trình tự, thủ tục khi tiến hành cưỡng chế quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Khiếu nại 2011, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu mà người khiếu nại không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai.

Các đương sự không cung cấp được thông tin, tài liệu về ngày ông K nhận được Quyết định 8795/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

Theo Văn bản 74/PHĐ-BTD ngày 04/10/2022 của UBND huyện G thì cùng ngày, bà Vũ Thị V (vợ ông K) đến UBND huyện để gửi đơn khiếu nại Quyết định 8795/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Như vậy xác định, ngày ông K nhận được Quyết định 8795/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện G là ngày 04/10/2022.

Ngày 11/10/2022, ông K có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội là trong thời hạn khiếu nại 30 ngày kể từ ngày 04/10/2022. Do đó, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội căn cứ khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại 20111 ban hành Quyết định 4988/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại của ông K đối với Quyết định 8795/QĐ-UBND do thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng là không có căn cứ.

Tuy nhiên, ông K đã khởi kiện vụ án hành chính trong thời hiệu khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết nên áp dụng Điều 33 Luật Tố tụng hành chính thì không cần thiết phải hủy Quyết định 4988/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại của ông K đối với Quyết định 8795/QĐ-UBND.

Văn bản 4445/UBND-TTr ngày 17/12/2021 của UBND huyện G giao Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tham mưu UBND huyện báo cáo UBND thành phố Hà Nội xem xét cho phép vận dụng quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 2 Điều 27 Quyết định 10/2017/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội để cho ông K được mua 01 suất đất tái định cư 30 m^2 theo giá quy định nhân với hệ số K=1,3 không phải là quyết định hành chính bị kiện quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính nên yêu cầu của ông K về việc hủy Văn bản này không thuộc phạm vi xét xử.

Với các lí do trên xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu

khởi kiện của ông K là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông K.

[3]. Ông K là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của ông Luyện Văn K và giữ nguyên quyết định của Bản án số 230/2024/HC-ST ngày 14-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Ông K không phải nộp án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND tp. Hà Nội;
- Cục THA dân sự tp. Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tất Nam